TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2022/QĐST-DS	*Gò Quao, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 14/2015/TLST–DS ngày 27 tháng 01 năm 2015.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị D, sinh năm 1936. Địa chỉ: ấp AT, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Bà Cao Hồng C, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp AT, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hữu Ph, Trợ giúp viên pháp lý cộng tác, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Danh S, sinh năm 1970 và bà Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp AH, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thanh Th, là Luật sư - Văn phòng luật sư Phạm Văn Cần, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Thị D1, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp AT, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bà Thị L (tên gọi khác: Thị T), sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp 5, xã VHHN, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3/ Bà Thị Nh, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 5, xã VHHN, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4/ Bà Thị P1, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp AH, xã ĐA, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

5/ Ngân hàng TMCP K. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn T1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch huyện G.

6/ Ngân hàng TMCP S. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Phòng giao dịch huyện G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Thị D và ông Danh Ch là con của cụ Danh S và cụ Thị S1 (năm 1943 cụ S1 chết), sau đó cụ Danh S chung sống với cụ Thị PP nhưng hai cụ không có con chung nên mới nhận cháu nội là Danh S (là con ông Danh Ch, khi đó ông S khoảng 06 tuổi) về nuôi. Ngày 12/8/2002 UBND huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thị PP, theo giấy chứng nhận QSD đất số N 059263, thửa số 342 với diện tích 5.268m^2 (qua đo đạc thực tế là 6.343,1m^2), trên đất có căn nhà diện tích 7,5 x 8,5m, khu đất tọa lạc ấp 2 (nay là ấp An Minh), xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Năm 2002 cụ S chết, đến năm 2005 thì cụ PP chết và không để lại di chúc; ông Danh S tiếp tục quản lý sử dụng phần đất nói trên; đến năm 2007 thì phát sinh tranh chấp với bà Thị D. Qua đo đạc thực tế đất các bên thỏa thuận chia thừa kế quyền sử dụng đất như sau:

- Ông Danh S và bà Thị T được quyền sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số N 059263, thửa số 342 với diện tích 5.268m^2 do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 19/8/2002 (qua đo đạc thực tế là 6.343,1m^2) theo bản trích đo có hình 1,2,3,4,5,6,7 được thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án lập ngày 23/11/2018 và tờ trích đo địa chính số TĐ260-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Quao ngày 22/5/2019, khu đất tọa lạc ấp 2 (nay là ấp An Minh), xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (có tờ trích đo địa chính kèm theo).

- Ông Danh S và bà Thị T sẽ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Thị D với số tiền là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) tương đương ¼ di sản thừa kế, được thi hành một lần vào ngày 20/8/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Các bên được quyền yêu cầu thi hành án theo thỏa thuận trên.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp đối với căn nhà có diện tích 7,5 x 8,5m do nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ký ngày 01/8/2018 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về chi phí đo đạc và chi phí định giá: Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí đo đạc là 2.041.001 đồng (*Hai triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm lẻ một đồng*) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000523 ngày 31/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Quao; Chi phí định giá trị tài sản gồm: 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0082555 ngày 19/6/2008 của Chi nhánh Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam tại Kiên Giang và 3.656.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000438 ngày 22/9/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây, tổng cộng 6.797.001 đồng (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ một đồng*), số tiền này bà Diêu đã nộp xong.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Danh S, bà Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.625.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Trả lại cho nguyên đơn bà Thị D số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 50.000đ theo biên lai thu tiền số 005329 ngày 15/10/2007 và số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 50.000đ theo biên lai thu tiền số 013400 ngày 15/8/2008 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện KSND H. Gò Quao;
- Chi cục THADS H. Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tôn